

BẢO ĐẢM QUYỀN THAM CHÍNH CỦA PHỤ NỮ - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

MAI THỊ DIỆU THÚY*

Ngày nhận bài: 30/09/2019

Ngày phản biện: 14/10/2019

Ngày đăng bài: 01/01/2020

Tóm tắt:

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn khẳng định ủng hộ chính sách bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Cam kết chính trị đó đã được thể hiện thông qua việc ban hành các chính sách, pháp luật cụ thể cũng như các chương trình hành động trên thực tế. Tuy nhiên, thực tiễn thực thi pháp luật cho thấy vẫn còn tồn tại sự bất bình đẳng lớn giữa nam và nữ, đặc biệt là trong lĩnh vực chính trị. Do đó, trong phạm vi bài viết này, tác giả đi sâu nghiên cứu thực trạng đảm bảo quyền tham chính của phụ nữ. Từ đó, nhận diện những rào cản và thách thức làm cơ sở để tìm ra các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả đảm bảo quyền tham chính của phụ nữ, góp phần giúp Việt Nam thực hiện tốt Mục tiêu thiên niên kỷ thứ ba “*Tăng cường bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ*”¹.

Từ khóa:

Quyền phụ nữ, quyền tham chính của phụ nữ, bảo đảm.

Abstracts:

In the recent years, the Party and the State have always affirmed their support for gender equality policy in all areas of social life. This political commitment has been shown through the promulgation of specific policies, laws as well as practical action programs. However, the practice of law enforcement still shows that there is still big inequality on rights and obligations between men and women, especially in the field of politics. Therefore, within the scope of this article, the author explores the status of ensuring women's right to politics, thereby identifying barriers and challenges as a basis for finding appropriate solutions to improve the effectiveness of insuring the proportion of women in politics that contribute to Vietnam's good implementation of the Third Millennium Goal “*Enhancing gender equality and empowering women*”².

Keywords:

Women's rights, the right to participate in politics of women, insure.

* ThS., Giảng viên Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: mtdthuy@hul.edu.vn

¹ <http://www.vn.udp.org/content/vietnam/vi/home/mdgovoverview/overview/mdg3/>

² <http://www.vn.udp.org/content/vietnam/vi/home/mdgovoverview/overview/mdg3/>

1. Quyền tham chính của phụ nữ và bảo đảm quyền tham chính của phụ nữ

Quyền tham chính của phụ nữ được ghi nhận tại Điều 7 của Công ước loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW): *là quyền tham gia vào đời sống chính trị, xã hội của phụ nữ*. Nội dung Điều 7 cũng yêu cầu các quốc gia thành viên phải bảo đảm quyền tham chính cho phụ nữ cụ thể là các quyền: *Quyền tham gia bầu cử, trưng cầu dân ý và tham gia ứng cử vào các cơ quan dân cử; quyền tham gia xây dựng, thực hiện các chính sách, pháp luật và giữ chức vụ trong các cơ quan nhà nước ở mọi cấp; quyền tham gia các tổ chức xã hội*.

Trên cơ sở đó, xuất phát từ góc độ bình đẳng giới và quyền con người của phụ nữ, có thể rút ra định nghĩa quyền tham chính của phụ nữ như sau:

Quyền tham chính của phụ nữ là một trong những quyền con người quan trọng nhất của phụ nữ được Hiến pháp và pháp luật ghi nhận và bảo vệ; nó xác lập năng lực pháp lý bình đẳng của phụ nữ với nam giới trong việc tham gia một cách trực tiếp hoặc gián tiếp vào quản lý nhà nước, quản lý xã hội...

Đối với vấn đề bảo đảm quyền tham chính của phụ nữ, nếu xét về góc độ ngôn ngữ, theo *Đại từ điển Tiếng Việt* thì thuật ngữ “bảo đảm” được hiểu là “*tạo điều kiện để chắc chắn giữ gìn được, hoặc thực hiện được hoặc có được những gì cần thiết*”³. Trong *Từ điển Luật học* “bảo đảm” có nghĩa là: “*Trách nhiệm của một chủ thể (cá nhân, tổ chức) phải làm cho quyền, lợi ích của chủ thể bên kia chắc chắn được thực hiện, được giữ gìn, nếu xảy ra thiệt hại thì phải bồi thường*”⁴.

Xét ở góc độ pháp lý, theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới*” và tại khoản 2 Điều luật này quy định: “*Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội*”.

Như vậy, nếu xuất phát từ cách định nghĩa về khái niệm “bảo đảm” nêu trên có thể hiểu “*Bảo đảm quyền tham chính của phụ nữ là việc tạo ra các tiền đề, điều kiện, các yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp lý và tổ chức thực hiện để người phụ nữ được thụ hưởng và tiếp cận các quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong lĩnh vực chính trị*”.

Vấn đề bảo đảm thực hiện quyền tham chính của phụ nữ được thực hiện trên các góc độ:

Bảo đảm về chính trị, yếu tố chính trị có ảnh hưởng mạnh mẽ đến các hoạt động thực hiện pháp luật của các chủ thể pháp luật, đặc biệt là các cá nhân, cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội có thẩm quyền bảo đảm. Các chính sách, đường lối của Đảng là cơ sở quan trọng để pháp luật thể chế hóa thành quyền bình đẳng cho người phụ nữ trong lĩnh vực chính trị cũng như xác định trách nhiệm của các chủ thể bảo đảm quyền tham chính cho phụ nữ. Chính những quyết tâm chính trị của Đảng và trách nhiệm của Nhà nước, và cộng đồng xã hội trong việc thực hiện bảo đảm quyền tham chính của phụ nữ, sẽ là yếu tố quan trọng, có ý nghĩa quyết

³ Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (2012), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.463.

⁴ Nguyễn Hữu Huỳnh (Chủ biên) (1999), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội, tr.33.

định đến mức độ bảo đảm và hiệu quả bảo đảm quyền tham chính của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay.

Bảo đảm về kinh tế, điều kiện kinh tế có sự tác động mạnh mẽ đến khả năng tăng tính đại diện của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị. Một mặt, điều kiện kinh tế phát triển tốt sẽ tạo nhiều cơ hội tiếp cận với giáo dục đào tạo, tạo điều kiện cho phụ nữ có khả năng có việc làm phù hợp, giúp họ trở thành một chủ thể độc lập về kinh tế, có tiếng nói nhất định cũng như nhận được sự tôn trọng từ người đàn ông trong gia đình. Mặt khác môi trường kinh tế phát triển lành mạnh có thể mang đến những tập quán mới, tạo ra nhiều cơ hội cho sáng kiến, chấp nhận những giá trị mới, qua đó tăng khả năng ủng hộ từ phía xã hội cho vị trí phụ nữ lãnh đạo, quản lý. Môi trường kinh tế phát triển còn là nền tảng vật chất quan trọng để Nhà nước, tổ chức xã hội thực thi có hiệu quả các quy định của pháp luật tạo hành lang pháp lý rộng rãi cho sự tham gia của phụ nữ vào đời sống chính trị.

Bảo đảm về pháp lý, có thể nói, bảo đảm quyền tham chính của phụ nữ là một tổng thể nhiều yếu tố bảo đảm (kinh tế, chính trị, văn hóa, pháp lý...), trong đó, bảo đảm pháp lý có vai trò quan trọng hàng đầu, bởi hình thức bảo đảm này được thực hiện thông qua công cụ pháp luật. Pháp luật lại là phương tiện chính thức hóa các giá trị xã hội liên quan đến quyền tham chính của phụ nữ; nó là công cụ sắc bén của Nhà nước để bảo đảm và bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ một cách hữu hiệu nhất, đồng thời là cơ sở pháp lý vững chắc để người phụ nữ đấu tranh khẳng định vị trí của mình trong đời sống xã hội. Ngoài ra, pháp luật còn là phương tiện để hiện thực hóa các bảo đảm khác trên quy mô toàn xã hội, cho nên nó có mối quan hệ mật thiết với các hình thức bảo đảm khác.

Bảo đảm về văn hóa - xã hội, việc phát triển văn hóa giáo dục, nâng cao dân trí là một trong những điều kiện quan trọng bảo đảm cho phụ nữ phát triển tự do và toàn diện, tạo điều kiện cho phụ nữ được độc lập, nâng cao nhận thức về mọi mặt. Bên cạnh đó, một nền văn hóa phát triển theo hướng cởi mở và tự do cho các cá nhân trong xã hội với các chỉ báo văn hóa phù hợp như niềm tin, tập quán xã hội, ý thức xã hội, sự phát triển của các tư tưởng cấp tiến sẽ tác động mạnh mẽ đến sự tiến bộ của phụ nữ, đến sự hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo đảm quyền tham chính của phụ nữ cũng như hiệu quả của việc tổ chức và thực thi các thiết chế bảo đảm đó. Điều này sẽ tạo nên thói quen tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền cho phụ nữ trong lĩnh vực chính trị gắn với việc phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, góp phần phá bỏ những tư tưởng định kiến giới lạc hậu, tư tưởng trọng nam khinh nữ là rào cản đối với việc bảo đảm quyền cho người phụ nữ trong lĩnh vực chính trị; tạo môi trường văn hóa tiên tiến giúp người phụ nữ thoát khỏi tâm lý tự ti khi tiếp cận và thụ hưởng quyền.

2. Thực trạng bảo đảm quyền tham chính của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay

Trong thời gian qua, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu nhất định trong việc bảo đảm quyền tham chính của phụ nữ trên tất cả các phương diện: chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội và pháp lý...

Về chính trị, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm lãnh đạo công tác cán bộ nữ, chăm lo đến vấn đề phát triển lực lượng cán bộ nữ thông qua việc ban hành những nghị quyết, chỉ thị làm cơ sở cho việc ban hành pháp luật, chính sách liên quan đến công tác cán bộ nữ, đây là nền tảng quan trọng để phụ nữ ngày càng có nhiều cơ hội tiếp cận quyền tham chính. Ngày 27/4/2007, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-TW về công tác phụ nữ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với quan điểm: “*Xây dựng và phát triển vững chắc đội ngũ cán bộ nữ tương xứng với vai trò to lớn của phụ nữ là yêu cầu khách quan, là nội dung quan trọng trong chiến lược công tác cán bộ của Đảng*”. Từ đó, Nghị quyết đưa ra chủ trương: “*Phấn đấu đến năm 2020, cán bộ nữ tham gia cấp ủy đảng các cấp đạt từ 25% trở lên; nữ đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân (HĐND) các cấp từ 35 - 40%. Các cơ quan, đơn vị có tỷ lệ nữ từ 30% trở lên, nhất thiết có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ. Cơ quan lãnh đạo cấp cao của Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Chính phủ có tỷ lệ nữ phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới*”⁵. Quan điểm này của Đảng còn được thể hiện rõ trong các văn kiện của Đảng khóa XI; XII và cụ thể hóa trong việc xây dựng và thực hiện *Đề án tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ trong tình hình mới* (Thông báo số 196-TB/TW ngày 16/3/2015). Những chủ trương đúng đắn của Đảng là yếu tố tác động tích cực đưa tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy Đảng nhiệm kỳ 2015 - 2020 tăng hơn nhiệm kỳ 2010 - 2015. Tỷ lệ cấp ủy viên là nữ ở cấp xã chiếm 19,69% (tăng 1,59%), tỷ lệ cấp ủy viên là nữ ở cấp huyện chiếm 14,3% (tăng 0,3%), tỷ lệ nữ trong Ban Chấp hành Đảng bộ cấp tỉnh chiếm 13,3% (tăng 1,9%); Trong Thường vụ là 10,75 %; có 3/63 tỉnh thành có Bí thư Tỉnh ủy là nữ chiếm 4,76%; Phó Bí thư Tỉnh ủy là 17 người chiếm tỷ lệ 10.9%; tham gia cấp ủy Bộ Chính trị, số lượng nữ ủy viên Bộ Chính trị đạt 3/19 ủy viên (chiếm 15,7%); và tham gia Ban Chấp hành Trung ương Đảng là 20 ủy viên nữ (đạt 7,8%) so với ủy viên nam là 166 người (đạt 92,2%)⁶. Nhìn chung, tỷ lệ đảng viên nữ tham gia cấp ủy Đảng trong những năm qua đã có nhiều thay đổi tích cực đáng ghi nhận, nhưng trong tương quan với nam giới thì thực tế vẫn còn thấp. Với mức tham gia cấp ủy Đảng hạn chế như vậy, thực sự nữ đảng viên chưa đại diện được lượng nữ đông đảo trong xã hội. Bên cạnh đó, sự thiếu hụt cán bộ nữ trong một số lĩnh vực quan trọng sẽ cản trở đến việc hoạch định và thực thi chính sách liên quan đến bình đẳng giới.

Về kinh tế, tại Đại hội lần thứ XII, Đảng ta xác định phải “*nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ; thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển tài năng. Nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện luật pháp và chính sách đối với lao động nữ, tạo điều kiện và cơ hội để phụ nữ thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của mình trong gia đình và xã hội*”. Trên cơ sở chủ trương của Đảng và Nhà nước, Chính phủ đã giao cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm (2016 - 2020),

⁵ Bộ Chính trị (2007), Nghị quyết số 11/NQ-TW về công tác phụ nữ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

⁶ Báo cáo số 08/BC-UBQG ngày 03/02/2016 của Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam về kết quả hoạt động năm 2015 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2016, tr.11-12.

trong đó có mục riêng “thực hiện bình đẳng giới, nâng cao vị thế của phụ nữ.” Đồng thời, tổ chức triển khai các chiến lược phát triển kinh tế xã hội đặc biệt là các chính sách đối với vùng nông thôn, dân tộc, miền núi,... tạo điều kiện kinh tế quan trọng để bảo đảm quyền cho phụ nữ trên phương diện chính trị. Bên cạnh đó, dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, để có nguồn lực phù hợp cho việc thực hiện các chính sách bảo đảm quyền cho phụ nữ, Bộ Tài chính đã tham mưu cho Quốc hội trong vấn đề phân bổ ngân sách Trung ương để thực hiện Chương trình quốc gia về bình đẳng giới, cụ thể năm 2013 là 40 tỷ đồng, năm 2014 dành 20 tỷ đồng..⁷ Đây là những điều kiện quan trọng để bảo đảm nguồn lực cho việc bảo đảm cho phụ nữ tham chính.

Về văn hóa, để nâng cao ý thức của cộng đồng xã hội về tầm quan trọng của quyền tham chính của phụ nữ đối với xã hội, Chính phủ, các cơ quan nhà nước địa phương phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Ủy ban vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp thường xuyên tổ chức tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và vai trò của phụ nữ trong đời sống chính trị tại địa phương với nhiều hình thức đa dạng và phong phú: các đài phát thanh truyền hình có chuyên mục bình đẳng giới đạt tỷ lệ 100%⁸, xây dựng chuyên mục bình đẳng giới trên Cổng thông tin điện tử và tạp chí, làm pano áp phích ngoài trời, phát hành sổ tay “truyền thông về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị”, đẩy mạnh các phong trào thi đua: “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”, Tổng kết 5 năm thực hiện đề án: “Tuyên truyền giáo dục phẩm chất, đạo đức người phụ nữ Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2010 - 2015”. Bên cạnh đó, Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ còn ban hành nhiều quy định hướng dẫn, giao chỉ tiêu nữ cho từng địa phương tuyên truyền, vận động để quần chúng hiểu và bầu đại biểu nữ vào các cơ quan Đảng, Quốc hội và chính quyền các cấp... Chính những hoạt động này đã tác động mạnh mẽ không chỉ đến nhận thức của cộng đồng mà còn tác động đến nhận thức của người phụ nữ thúc đẩy họ tích cực tham gia vào đời sống chính trị một cách hiệu quả. Điều này đã mang lại một số kết quả đáng ghi nhận, ngoài việc tham gia vào việc bầu cử, ứng cử vào các cơ quan nhà nước thì trong giai đoạn 2010 - 2015, có hàng triệu phụ nữ tham gia đóng góp ý kiến cho các dự thảo Hiến pháp 2013, dự thảo Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội 2014, dự thảo Bộ luật Dân sự 2014...

Về pháp lý, hiện nay Việt Nam đã xây dựng khung pháp lý khá hoàn thiện về vấn đề bảo đảm quyền tham chính của phụ nữ. Thể hiện qua việc ghi nhận quyền bình đẳng của phụ nữ trong đời sống chính trị qua 5 bản Hiến pháp, đặc biệt trong Điều 26 Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới; Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội*”. Thể chế hóa quy định của Hiến pháp 2013, trong nội dung khoản 1, 2, 3, 4 Điều 11 Luật Bình đẳng giới xác định rõ: “*Nam, nữ bình đẳng*

⁷ Báo cáo số 157/BC-CP ngày 09/04/2015 của Chính phủ gửi Quốc hội về việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới.

⁸ Báo cáo tóm tắt việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới của Chính phủ ngày 17/10/2017.

trong tham gia quản lý nhà nước, tham gia hoạt động xã hội; Nam, nữ bình đẳng trong tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức.; Nam, nữ bình đẳng trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức". Đồng thời, tại khoản 5 Điều 11 đã quy định các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị bao gồm: “Bảo đảm tỷ lệ thích đáng nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới”; và “*Bảo đảm tỷ lệ nữ thích đáng trong bổ nhiệm các chức danh trong cơ quan nhà nước phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới*”. Những nội dung này được cụ thể hóa trong các văn bản luật: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân 2015, Bộ luật Dân sự (2015), Bộ luật Hình sự năm (2015 sửa đổi năm 2017), Luật Cán bộ, công chức năm 2008, Pháp lệnh về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (2007)... Những văn bản này là cơ sở pháp lý quan trọng thúc đẩy sự tham gia nhiều hơn của phụ nữ vào chính quyền các cấp, đồng thời thể hiện quyết tâm nội luật hóa nhiều công ước quốc tế như Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị; Cương lĩnh hành động Bắc Kinh, Tuyên bố thiên niên kỷ,... mà Việt Nam đã ký kết, thể hiện cam kết ủng hộ phụ nữ tham chính và nỗ lực giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị của Đảng và Nhà nước ta.

Bên cạnh đó, để bảo đảm quyền tham chính của phụ nữ được thực thi có hiệu quả trên thực tế, Nhà nước đã xây dựng các thiết chế bảo đảm bao gồm:

Chính phủ: Có trách nhiệm xây dựng, chỉ đạo thực hiện và đánh giá tổng kết việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chiến lược, chương trình hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam trên lĩnh vực chính trị. Để thực hiện nhiệm vụ này, Chính phủ giao cho Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, chính quyền địa phương trực tiếp triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam với vai trò chỉ đạo thực thi, giám sát việc triển khai các bảo đảm quyền tham chính của phụ nữ trên cơ sở sự tham mưu và đề xuất của Ủy ban vì sự tiến bộ của phụ nữ đã tạo điều kiện cho phụ nữ có một môi trường thuận lợi để thực thi các quyền cơ bản của mình. Thêm vào đó là sự ra đời và hoạt động tích cực của Nhóm nữ nghị sĩ Quốc hội từ tháng 05/2008, Nhóm đã phối hợp với Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội để tổ chức nhiều diễn đàn về bình đẳng giới, bảo đảm quyền của phụ nữ và đã đóng góp nhiều ý kiến thiết thực và hiệu quả đối với vấn đề lồng ghép giới vào các lĩnh vực pháp luật chuyên ngành.

Chính nhờ những nỗ lực trong việc hoàn thiện các quy định pháp luật cũng như những thiết chế bảo đảm quyền tham chính của phụ nữ mà trong những năm qua quyền bầu cử của phụ nữ Việt Nam đã được thực hiện tương đối đầy đủ. Với số lượng nữ đại biểu Quốc hội nhiệm kỳ năm 2016 - 2021 chiếm: 133 người (26,72%), tăng so với hai khóa trước đó, cao hơn mức trung bình của thế giới (23,6%) và đây là lần đầu tiên Việt Nam có đại biểu nữ nắm

giữ vị trí Chủ tịch Quốc hội - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất được coi là một trong bốn “tứ trụ” của bộ máy nhà nước. Không những thế, vào ngày 25/08/2019, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân được đề cử giữ chức Phó Chủ tịch Ban Chấp hành Đại hội đồng Hội đồng liên nghị viện các quốc gia Đông Nam Á lần thứ 40 (AIPA40)⁹. Đây là kết quả đáng mừng cho việc hiện thực hóa các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về đảm bảo quyền tham chính của phụ nữ. Tuy nhiên, dù tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội nhiệm kỳ năm 2016 - 2021 cao hơn các nhiệm kỳ trước, nhưng thực tế tỷ lệ này phân bố chưa đồng đều ở các đoàn đại biểu Quốc hội (Quảng Nam, Tây Ninh, Thừa Thiên Huế) và 25 tỉnh có tỷ lệ nữ đại biểu dưới 20%¹⁰. Thực tế này cho thấy, mục tiêu của Đảng và Nhà nước về bình đẳng giới vẫn chưa có bước phát triển vững chắc và cũng chưa đồng đều trong các địa phương của cả nước chưa đạt mục tiêu 35% như quyết tâm của Đảng và Nhà nước.

Đối với chính quyền địa phương, thành phố Hà Nội là địa phương có tỷ lệ đại biểu nữ trúng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cao nhất cả nước, tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội đạt 30%(9/30); nữ đại biểu HĐND thành phố 23,8% (25/105); nữ đại biểu HĐND cấp quận 30%(356/1.183); nữ đại biểu HĐND cấp phường 28,5%(1.510/15.816)¹¹. Nhưng nhìn chung tỷ lệ này vẫn chưa đạt được mức 35% như mục tiêu Đảng và Nhà nước đặt ra.

Xét ở góc độ thực thi pháp luật, việc tổ chức thực hiện các quy phạm pháp luật, các chương trình hành động ở địa phương còn mang tính hình thức, chưa quy định những chế tài cụ thể gắn với trách nhiệm của người đứng đầu, cá nhân, cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với kết quả thực hiện mục tiêu bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị. Sự phối hợp giữa các ngành với Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ trong việc triển khai thực hiện bình đẳng giới chưa chặt chẽ và thiếu đồng bộ. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ còn nhiều hạn chế. Điều này phần nào ảnh hưởng đến mức độ tham gia của phụ nữ vào các cơ quan chính quyền địa phương.

3. Những rào cản và thách thức đối với việc bảo đảm quyền tham chính của phụ nữ Việt Nam

Rào cản từ khung chính sách, khung pháp lý

Mặc dù, Việt Nam đã ban hành rất nhiều các văn bản pháp luật về vấn đề bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị nhưng vẫn tồn tại nhiều quy định còn chưa phù hợp dẫn tới những hạn chế về điều kiện và cơ hội tham chính của phụ nữ như vấn đề tuổi nghỉ hưu, chính sách nghỉ sinh, các dịch vụ công hỗ trợ cho phụ nữ làm việc.

⁹ Song Minh, *Chủ tịch Quốc hội được bầu làm Phó Chủ tịch Ban Chấp hành AIPA*, <https://laodong.vn/thoi-su/chu-tich-quoc-hoi-duoc-bau-lam-pho-chu-tich-ban-chap-hanh-aipa-751219.1do,14/09/2019-21:22>

¹⁰ Báo cáo số 454 /BC-CP ngày 17/10/2017 của Chính phủ về việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới.

¹¹ Văn phòng Quốc hội, Kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XII, XIII, XIV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2007 - 2011, 2011 - 2016 và 2016 - 2021.

Chính sách tuổi về hưu (nữ 55 tuổi, nam 60 tuổi) một mặt tạo điều kiện để phụ nữ có thêm thời gian nghỉ ngơi và chăm sóc sức khỏe, tạo điều kiện hưởng lợi cho những nhóm phụ nữ ở các ngành nghề nặng nhọc, độc hại. Nhưng xét ở góc độ bình đẳng giới thì chính sự khác biệt trong độ tuổi nghỉ hưu giữa nam giới và phụ nữ đã tạo ra những áp lực đối với phụ nữ phân đấu vào các vị trí nghề nghiệp của mình, gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo cao cấp, hạn chế cơ hội quy hoạch, bổ nhiệm của phụ nữ. Bởi, những quy định về độ tuổi này đang đặt nam và nữ trên những mặt bằng so sánh khác nhau, làm cho nam giới ở vị thế có lợi hơn. Như quy định đối với cấp ủy viên... Với phụ nữ, quy định chênh lệch độ tuổi giữa nam và nữ là một rào cản lớn. Vì người phụ nữ còn chịu sự chi phối bởi trách nhiệm đối với công việc gia đình những hoạt động như sinh con, chăm sóc con nhỏ tập trung ở giai đoạn độ tuổi từ 25 - 35 tuổi nên ít nhiều ảnh hưởng đến thời gian thực tế công tác, thời gian hoàn thành các tiêu chuẩn cứng về đào tạo cũng như cơ hội phát huy năng lực lãnh đạo, thời gian để mở rộng các mối quan hệ xã hội nhằm làm tốt vai trò lãnh đạo, trong khi buộc họ phải giành lấy cơ hội sớm hơn nam giới 5 năm nếu không muốn bị loại vì độ tuổi. Đa số phụ nữ hoặc phải lựa chọn chấp nhận hy sinh các hạnh phúc cá nhân để tập trung trong công việc, hoặc lựa chọn từ chối tham chính để bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Chính sách nghỉ sinh của cha mẹ và hệ thống cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em ban ngày là những trụ cột quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển nghề nghiệp của phụ nữ. Chính sách nghỉ sinh của Việt Nam hiện nay là 6 tháng với người mẹ, điều này đặt ra những nhu cầu xã hội lớn từ hệ thống dịch vụ chăm sóc trẻ em ban ngày khi người phụ nữ quay trở lại làm việc. Nhưng chưa có văn bản pháp luật nào đưa ra những quy định trách nhiệm và chế tài bảo đảm đối với cơ quan nhà nước hoặc cơ sở đào tạo về vấn đề này nên hầu hết các cơ quan nhà nước và cơ sở đào tạo hiện nay không có nhà trẻ hay lớp mẫu giáo cho con cán bộ hay học viên ngay tại trụ sở của mình khiến cho nhiều phụ nữ bắt buộc phải chọn lựa ưu tiên là gia đình và con cái trước khi chọn lựa các cơ hội đào tạo hay thăng tiến. Điều này đặt ra những thách thức rất lớn cho phụ nữ có con nhỏ muốn có thăng tiến trong công việc, vì khi đó, họ cần có những thành tích cao trong công việc, đi đôi với đảm bảo các bằng cấp tương ứng với mỗi vị trí cần phân đấu.

Rào cản về chất lượng nguồn nhân lực

Trong thời gian qua, mặc dù Đảng và Nhà nước đã rất quan tâm đến việc nâng cao quyền năng giáo dục cho trẻ em, đặc biệt là trẻ em gái các vùng sâu, vùng xa nhưng thực tế việc tiếp cận các cơ hội, các chương trình giáo dục của trẻ em gái còn nhiều hạn chế: tỷ lệ trẻ em gái đến trường rất thấp, tỷ lệ biết đọc biết viết không cao, càng học cao trẻ em gái càng bỏ học nhiều hơn so với trẻ em trai. Điều này sẽ là rào cản rất lớn cho những người phụ nữ ở vùng sâu, vùng xa thực hiện quyền tham chính, bởi họ không đáp ứng được các tiêu chuẩn cứng về trình độ chuyên môn với các vị trí quản lý và lãnh đạo. Điều này một phần do sự tác động của các tập quán hôn nhân lạc hậu, tư tưởng định kiến giới ăn sâu trong tiềm thức mỗi người, mặt khác còn có sự tác động của nhu cầu lao động bảo đảm cuộc sống.

Đối với các bậc học cao hơn, thì theo yêu cầu của hầu hết các chương trình và học bổng đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ tại các cơ sở nước ngoài, đối với ứng viên học trình độ thạc sỹ là dưới 35 và các ứng viên có trình độ tiến sỹ là dưới 40; đồng thời, phải có ít nhất 2 năm kinh nghiệm mới được dự tuyển. Quy định về độ tuổi này có thể không ảnh hưởng đến nam giới, nhưng với cán bộ nữ lại là một bất lợi vì đa số cán bộ nữ ở độ tuổi này phải chịu áp lực kết hôn và sinh con nên sẽ rất khó có cơ hội tham gia. Không chỉ ở công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, ngay cả ở khâu quy hoạch, cán bộ nữ cũng gặp phải những bất lợi tương tự do thời điểm được quy hoạch rơi vào giai đoạn lập gia đình và sinh con.

Bên cạnh đó, công tác quy hoạch cán bộ nữ vào các vị trí lãnh đạo, quản lý đa phần vẫn đang được thực hiện thụ động và chưa có hiệu quả. Các cán bộ nữ có năng lực, phẩm chất tốt hầu như chưa được sự tư vấn và hỗ trợ tích cực từ cơ quan chủ quản để chuẩn bị đầy đủ cho việc tham gia ứng cử nhất là vấn đề bồi dưỡng các chứng chỉ về lý luận chính trị và quản lý công.

Rào cản từ những định kiến về văn hóa - xã hội và vai trò giới truyền thống

Ở Việt Nam, do ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo thời phong kiến nên định kiến giới vẫn ăn sâu bén rễ trong xã hội đặc biệt là khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa, điều này gây ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng tham chính và năng lực lãnh đạo của phụ nữ. Các quan điểm “trọng nam khinh nữ”, quan niệm “nam trưởng, nữ phó” và quan điểm cho rằng phụ nữ yếu đuối nên thiếu kiên quyết trong việc ra quyết định đã khiến phụ nữ ít được ủng hộ vào các vị trí lãnh đạo có tầm ảnh hưởng lớn. Bên cạnh đó, quan niệm về vai trò giới truyền thống cho rằng đàn ông lo việc đại sự, phụ nữ lo việc tiểu sự, đã ủng hộ nam giới trong lĩnh vực nghề nghiệp và hướng đến làm lãnh đạo, còn đối với nữ giới lại gắn họ với “hạnh phúc gia đình”, phẩm chất của người nội trợ, chăm sóc các thành viên trong gia đình. Vì thế, cơ hội tham chính của phụ nữ đã bị hạn chế ngay từ khi họ còn chưa bắt đầu. Chính những định kiến về năng lực của phụ nữ và các quan niệm rập khuôn về hình ảnh lãnh đạo quản lý đang cản trở nỗ lực phấn đấu của người phụ nữ. Ngoài ra, trong các cơ quan, tổ chức, sự tác động của định kiến giới đến quan điểm, tư tưởng của những người có trách nhiệm đứng đầu cơ quan, các cấp ủy Đảng sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đối với công tác cán bộ nữ, làm cho cán bộ, công chức nữ dù có trình độ và phẩm chất ngang bằng, thậm chí cao hơn nam giới, vẫn gặp nhiều khó khăn khi được xem xét để đề bạt hoặc tạo điều kiện để học tập và bồi dưỡng nghiệp vụ.

Rào cản từ gia đình

Trong gia đình, việc phân công lao động trên cơ sở giới vẫn còn duy trì, mặc dù đã có sự chia sẻ cân bằng hơn giữa hai giới trong công việc sản xuất kinh doanh hoặc một số loại việc khác. Công việc gia đình vẫn là gánh nặng đặt trên vai người phụ nữ. Hiện nay, để bảo đảm điều kiện kinh tế đầy đủ cho gia đình, hầu như người phụ nữ không chỉ gánh vác hầu hết mọi công việc gia đình, chăm sóc con cái, mà đồng thời còn là lao động chính kiếm thu nhập cho gia đình. Điều này dẫn đến quỹ thời gian của người phụ nữ bị phân tán nhiều vào những công việc không lương và bất khả kháng như: Chăm sóc con cái, cha mẹ già, nội trợ, cúng

giỗ, việc tộc họ,... họ không còn thời gian đầu tư cho việc tham gia vào công tác quản lý. Đây là một thách thức đặt ra với hầu hết phụ nữ hiện nay. Về quyền quyết định trong gia đình, nhìn chung phụ nữ ít được quyền quyết định hơn so với nam giới trong gia đình. Quyền lực cao hơn của một người chồng thể hiện ở quyền quyết định ở một số việc như mua sắm, sản xuất kinh doanh, quan hệ họ hàng, còn người vợ thường chỉ có tiếng nói ở những việc như sử dụng biện pháp tránh thai, việc học của con hay các công việc nội trợ của gia đình... Chính điều này là một môi trường thuận lợi để duy trì “tư tưởng trọng nam khinh nữ” trong gia đình, cũng là một trở ngại lớn nhất cho quá trình thăng tiến và phát triển sự nghiệp của người phụ nữ. Trong khi đó, việc thiếu các dịch vụ hỗ trợ phụ nữ giảm bớt gánh nặng công việc gia đình và việc nam giới trong gia đình chưa sẵn sàng chia sẻ việc nhà với phụ nữ khiến phụ nữ phải duy trì vai trò người đảm nhận chính.

Rào cản về đặc điểm cá nhân

Đặc điểm cá nhân của phụ nữ cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến mức độ tham gia chính trị. Trong phong cách lãnh đạo, một vài điểm khác biệt về giới giữa nam và nữ lãnh đạo đã được chỉ ra như: nam thường độc lập, mạnh mẽ, quyết đoán, khả năng thu thập thông tin, phân tích xử lý, chịu áp lực tốt hơn nữ giới; ngược lại, nữ thực hiện công việc rất cụ thể và biết lắng nghe. Tính cách này vừa mang tính thúc đẩy vừa mang tính rào cản đối với cơ hội tham gia công tác lãnh đạo của phụ nữ. Một mặt, tính cách mềm dẻo, nhẹ nhàng, chăm chỉ, kiên trì, chịu khó, phụ nữ thường đưa ra các quyết định chắc chắn, thận trọng nên ít gây ra hậu quả thiệt hại. Mặt khác, phụ nữ với tính cách hay tự ti, mặc cảm, lại hay thận trọng, khả năng chịu áp lực kém hơn sẽ dẫn đến sự thiếu quyết đoán, thiếu bút phá được cho là hạn chế khi làm lãnh đạo, quản lý.

4. Một số giải pháp nhằm xóa bỏ những rào cản và nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền tham chính của phụ nữ ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

Qua sự phân tích những rào cản đối với vấn đề bảo đảm quyền tham chính của phụ nữ, để có thể nâng cao cả về tỷ lệ phụ nữ tham chính và chất lượng của vị trí đảm nhận trong bối cảnh của Việt Nam hiện nay gắn với việc đạt được mục tiêu tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào chính trị ở Việt Nam cần tiếp tục thực hiện đồng bộ những giải pháp sau:

Thứ nhất, cần hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến việc bảo đảm quyền tham chính của phụ nữ một cách thực chất và hiệu quả. Cụ thể:

- Rà soát và điều chỉnh quy định tuổi quy hoạch, bổ nhiệm vào quản lý nhà nước, tuổi nghỉ hưu một cách linh hoạt phù hợp với từng nhóm ngành nghề, lĩnh vực hoạt động phù hợp với tinh thần của Công ước CEDAW.

- Cần đưa ra chỉ tiêu cụ thể về tỷ lệ tham gia của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách của từng cơ quan nhà nước và coi đó là tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

- Cần bổ sung các chế tài cụ thể để xử lý nghiêm minh và kịp thời đối với các chủ thể không thực thi hoặc thực thi việc bảo đảm quyền tham chính của phụ nữ không hiệu quả, nhất là đối với công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và bổ nhiệm cán bộ nữ trong hệ thống chính trị.

- Cần đưa ra chỉ tiêu cụ thể về tỷ lệ tham gia của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách của từng cơ quan nhà nước và coi đó là tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

Thứ hai, tăng cường cam kết và phát huy trách nhiệm của các tổ chức, cơ quan, các cấp, các ngành trong việc bảo đảm quyền tham chính của phụ nữ.

- Đảng và Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ nữ cả về vật chất cũng như tinh thần để họ có đủ điều kiện vượt lên chính mình vươn đến vị trí cao trong lĩnh vực tham chính.

- Tăng cường vai trò tham mưu, thực thi và giám sát của Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp, Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Lao động thương binh và xã hội cũng như các tổ chức xã hội khác trong việc bảo đảm quyền tham chính của phụ nữ.

Thứ ba, chú trọng công tác truyền thông, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền vận động về bình đẳng giới hướng đến xóa bỏ định kiến giới, tập quán xã hội lạc hậu ăn sâu trong tâm trí người Việt gây bất lợi cho phụ nữ tham chính. Đồng thời, qua đó góp phần làm thay đổi tư tưởng của người đàn ông trong gia đình theo hướng tích cực cũng như phát huy vai trò của gia đình và cộng đồng trong việc chia sẻ và hỗ trợ phụ nữ vượt qua áp lực vai trò giới trong gia đình và tại nơi công sở.

Thứ tư, bản thân người phụ nữ Việt Nam cũng cần tiếp tục không ngừng nỗ lực vươn lên, tránh tâm lý an phận, ngại phấn đấu, mặc cảm, tự ti, phải cố gắng vượt qua mọi thành kiến và thử thách đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội, duy trì ảnh hưởng rộng rãi và khẳng định vai trò của mình trên nhiều lĩnh vực quản lý.

Thứ năm, tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế (đa phương, song phương, phi Chính phủ) để có cơ hội học tập kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới nhất là các quốc gia có chỉ số bình đẳng giới trong tham chính cao (Thụy Điển, Na Uy, Phần Lan...), từ đó có thể vận dụng sáng tạo và phù hợp vào bối cảnh kinh tế, xã hội của nước ta.

5. Kết luận

Có thể nói, bảo đảm quyền tham chính của phụ nữ là một trong những biểu hiện rõ nét nhất của việc thực thi bình đẳng giới trong chính trị đây cũng là nguyên tắc cơ bản của mọi nền chính trị dân chủ. Việt Nam đang hướng tới xây dựng một xã hội “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, vì vậy việc tăng cường tiếng nói của phụ nữ trên chính trường

và trong quá trình hoạch định chính sách mang ý nghĩa lớn lao đối với công cuộc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa của Việt Nam nói chung và sự nghiệp bình đẳng giới nói riêng.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2007), Nghị quyết số 11/NQ-TW về công tác phụ nữ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
2. Chính phủ (2015), Báo cáo số 157/BC-CP về việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới.
3. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017), Báo cáo số 454 /BC-CP ngày 17/10/2017 về việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới của Chính phủ.
4. Song Minh, *Chủ tịch Quốc hội được bầu làm Phó Chủ tịch Ban Chấp hành AIPA*, [https://laodong.vn/thoi-su/chu-tich-quoc-hoi-duoc-bau-lam-pho-chu-tich-ban-chap-hanh-aipa-751219.lido](https://laodong.vn/thoi-su/chu-tich-quoc-hoi-duoc-bau-lam-pho-chu-tich-ban-chap-hanh-aipa-751219.lido,14/09/2019), 14/09/2019 - 21:22.
5. Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ (2016), Báo cáo số 08/BC-UBQG ngày 03/02/2016 của Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam về kết quả hoạt động năm 2015 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2016.
6. Văn phòng Quốc hội, Kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XII, XIII, XIV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2007 - 2011, 2011 - 2016 và 2016 - 2021.